

Số: 115/BC-UBND

Tân Hồng, ngày 07 tháng 12 năm 2023

BÁO CÁO

Kết quả chuyển đổi số, ứng dụng công nghệ thông tin năm 2023

I. CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO ĐIỀU HÀNH

- Thực hiện các văn bản các cấp. UBND xã đã chỉ đạo Công chức chuyên môn tham mưu xây dựng và ban hành các văn bản chỉ đạo và điều hành về chuyển đổi số, ứng dụng công nghệ thông tin năm 2023.

- Việc ban hành các văn bản đẩy mạnh Ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số: Ngay từ đầu năm Ủy ban nhân dân xã xây dựng các văn bản, triển khai, tổ chức thực hiện như:

+ Kế hoạch số 18/KH-UBND ngày 20 tháng 01 năm 2023 về Ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước, phát triển Chính quyền số và bảo đảm an toàn thông tin mạng trên địa bàn xã Tân Hồng năm 2023.

+ Kế hoạch số 26/KH-UBND ngày 14 tháng 02 năm 2023 về Tuyên truyền thực hiện cải cách hành chính xã Tân Hồng năm 2023.

+ Kế hoạch về Thông tin, tuyên truyền năm 2023.

+ Kế hoạch số 70/KH-UBND ngày 13 tháng 09 năm 2023 về Chuyển đổi số xã Tân Hồng năm 2023.

+ Kế hoạch số 79/KH-UBND ngày 04/10/2023 về Hưởng ứng ngày Chuyển đổi số năm 2023;

+ Quyết định số 66/QĐ-UBND ngày 03/04/2023 về kiện toàn Tổ công nghệ số cộng đồng xã Tân Hồng.

+ Quyết định số 67/QĐ-UBND ngày 03/04/2023 về kiện toàn Tổ công nghệ số cộng đồng các thôn trên địa bàn xã Tân Hồng.

+ UBND xã đã tạo nhóm zalo của tổ công nghệ số cộng đồng xã Tân Hồng.

Hoạt động của tổ CNSCĐ trong thời gian qua đã hoạt động đạt được một số kết quả nhất định. Công tác tuyên truyền, hướng dẫn được thực hiện linh hoạt thông qua các nhóm Zalo, thông qua các buổi họp của nhân dân tại khu dân cư. Qua công tác tuyên truyền phổ biến về chuyển đổi số, người dân bước đầu đã làm quen với khái niệm chuyển đổi số, từng bước cài đặt và sử dụng các ứng dụng thông minh phục vụ công việc và cuộc sống.

Tính đến nay, toàn xã đã thành lập được Tổ CNSCĐ cấp xã, cấp thôn với 23 thành viên. Tổ chỉ đạo, triển khai Công nghệ số cộng đồng cấp xã. Thành phần và số lượng của các Tổ CNSCĐ đảm bảo cơ cấu thành phần theo hướng dẫn của Bộ Thông tin và Truyền thông.

II. KẾT QUẢ TRIỂN KHAI NĂM 2023

1. Nhận thức số

Tích cực sử dụng ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong điều hành, tác nghiệp. UBND đã tập trung chỉ đạo triển khai thực hiện Đề án “Xây dựng Chính quyền điện tử xã Tân Hồng giai đoạn 2020 - 2025, định hướng đến năm 2030” trên địa bàn xã. Phối hợp với Sở thông tin, phòng văn hóa huyện tổ chức Tổ chức Hội nghị tập huấn bồi dưỡng kỹ năng số hỗ trợ đưa hộ sản xuất nông nghiệp lên sàn thương mại điện tử cho Tổ công nghệ số cộng đồng cấp xã và cấp thôn trên địa bàn xã. Hệ thống quản lý văn bản và điều hành tác nghiệp được triển khai đồng bộ, sử dụng hiệu quả gắn với việc sử dụng hộp thư điện tử công vụ và chữ ký số chuyên dùng. Đến nay, 100% các văn bản đi, đến trao đổi giữa các cơ quan hành chính nhà nước được thực hiện dưới dạng điện tử trên phần mềm quản lý văn bản và điều hành; các văn bản, hồ sơ công việc hành chính được xử lý trên môi trường mạng; 100% cán bộ, công chức xã thường xuyên sử dụng thư điện tử công vụ trong công việc. 100% cán bộ, công chức thuộc bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND xã được cấp chứng thư số. 100% văn bản đi, được ký số và xử lý trên môi trường mạng.

Ngoài ra còn tuyên truyền trên trang thông tin điện tử và trên Đài truyền thanh xã. Cụ thể, với chuyên mục chuyển đổi số viết được 10 bài trên trang thông tin điện tử của xã; 8 bài về mục Tổ công nghệ số cộng đồng; 25 bài tuyên truyền trên hệ thống đài truyền thanh và 40 bài về thủ tục cải cách hành chính.

Hệ thống hội nghị truyền hình trực tuyến được đầu tư lắp đặt, nâng cấp, phục vụ tốt các cuộc họp giữa xã với tỉnh và Trung ương.

Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính đã kết nối với Cổng dịch vụ công của tỉnh, Cổng dịch vụ công Quốc gia, Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư phục vụ công tác giải quyết thủ tục hành chính. Hiện nay, đã tích hợp dịch vụ công trực tuyến trên Cổng dịch vụ công Quốc gia.

Tập trung phát triển ứng dụng di động thống nhất nhằm nâng cao sự tương tác giữa chính quyền và người dân; giữa người dân với chính quyền; xây dựng, triển khai, vận hành Hệ thống Cổng dịch vụ công và Hệ thống thông tin một cửa điện tử gắn với đánh giá hài lòng giải quyết thủ tục hành chính của cơ quan hành chính; kết nối với Cổng dịch vụ công quốc gia; nâng cao chất lượng hoạt động; thực hiện áp dụng rộng rãi thanh toán điện tử trong giải quyết thủ tục hành chính cấp xã.

2. Hoạt động chính quyền số

Đánh giá kết quả việc triển khai các nhiệm vụ đẩy mạnh hoạt động của chính quyền số tại địa phương. Việc sử dụng các phần mềm trong quản lý và điều hành.

- Tỷ lệ văn bản đến, đi (trừ văn bản có nội dung bí mật nhà nước) được quản lý trên Hệ thống Quản lý văn bản và hồ sơ công việc đạt 100%; Tỷ lệ văn bản được trao đổi trên môi trường mạng theo đúng quy định gửi, nhận văn bản trên môi trường mạng đạt 100%. (Văn bản đến: 1024; Văn bản đi: 625)

- Tỷ lệ hồ sơ công việc tại cấp xã được xử lý trên môi trường mạng (trừ hồ sơ công việc thuộc phạm vi bí mật nhà nước) đạt 100%.

- Tỷ lệ văn bản chỉ đạo điều hành của các cơ quan nhà nước được đăng tải trên trang thông tin điện tử của các xã đạt 100%.

- Tỷ lệ cán bộ, công chức sử dụng hệ thống Thư điện tử công vụ mail.haiduong.gov.vn trong công việc đạt 100%.

- Mức độ hài lòng của tổ chức, cá nhân đối với chất lượng cung cấp dịch vụ công đạt 99,9%.

- Tỷ lệ báo cáo định kỳ được thực hiện trên Hệ thống báo cáo của huyện và của tỉnh đạt 100%.

- Tỷ lệ hồ sơ giải quyết trực tuyến theo dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4 trên tổng số hồ sơ đạt 98,86%.(2090/21114 hồ sơ)

- Tỷ lệ thanh toán trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia trên tổng số giao dịch thanh toán của dịch vụ công đạt 84,06%.(1635/1945)

- Tỷ lệ kết quả giải quyết thủ tục hành chính được số hóa đạt 98,96%.

- Tỷ lệ người dân, doanh nghiệp hài lòng về việc giải quyết thủ tục hành chính đạt 100%.

3. Hoạt động kinh tế số

Các doanh nghiệp vừa và nhỏ, đặc biệt là quỹ tín dụng nhân dân trên địa bàn xã tiếp tục triển khai các dịch vụ, sản phẩm mới phục vụ thanh toán không dùng tiền mặt, thanh toán điện tử; thường xuyên triển khai đăng thông tin quảng cáo, quảng bá các sản phẩm dịch vụ, tiện ích trên các phương tiện thông tin đại chúng trên địa bàn để tuyên truyền, quảng bá; triển khai chương trình miễn, giảm nhiều gói dịch vụ khuyến khích người dân sử dụng hình thức thanh toán không dùng tiền mặt. Các phương tiện thanh toán phục vụ hoạt động thanh toán không dùng tiền mặt, thanh toán điện tử tiếp tục được triển khai mạnh mẽ, nâng cao chất lượng đáp ứng nhu cầu người dân, doanh nghiệp, trong đó nổi bật là: Dịch vụ mở tài khoản thanh toán bằng phương thức điện tử (eKYC), thanh toán qua mã phản hồi nhanh QR Code...

Chỉ đạo triển khai thực hiện Quyết định số 411/QĐ-TTg ngày 31/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ về Chiến lược quốc gia phát triển kinh tế số và xã hội số đến năm 2025, định hướng đến năm 2030;

4. Hoạt động xã hội số

- Triển khai hoạt động của Tổ Công nghệ số cộng đồng nâng cao kiến thức kỹ năng về công nghệ số và chuyển đổi số hình thành văn hóa số.

- Số người dân/tỷ lệ người dân trưởng thành có điện thoại di động thông minh đạt 80%.

- Số lượng/ Tỷ lệ hộ gia đình có người có điện thoại thông minh đạt 95%.

- Tỷ lệ hộ gia đình có kết nối Internet băng rộng cáp quang đạt 85%

- Tỷ lệ dân số có tài khoản thanh toán điện tử đạt 50%.

- Tỷ lệ dân số trưởng thành có tài khoản dịch vụ công trực tuyến đạt 50%.

- Tỷ lệ dân số trưởng thành có tài khoản định danh điện tử đạt 80%.

- Tỷ lệ dân số có hồ sơ sức khỏe điện tử đạt 65%.

- Tỷ lệ công chức, viên chức được trang bị máy tính làm việc đạt 100%.

(cả máy tính xách tay cá nhân)

5. Sử dụng nền tảng số

- Nền tảng số là giải pháp đột phá để đẩy nhanh quá trình chuyển đổi số, phát triển chính phủ số, kinh tế số và xã hội số. Điểm đột phá là nắm bắt cơ hội, phát triển và phổ cập thật nhanh các nền tảng số quốc gia phục vụ các nhu cầu riêng, đặc thù của người Việt Nam.

- Việc nghiên cứu, triển khai các nền tảng số có khả năng dùng chung rộng khắp trong một số lĩnh vực như: trao đổi định danh và xác thực điện tử, thương mại điện tử, nông nghiệp, du lịch, y tế, giáo dục, giao thông, xây dựng, tài nguyên và môi trường, học trực tuyến, nội dung số, dịch vụ kế toán, tài chính doanh nghiệp, đô thị, ngân hàng số.

6. Dữ Liệu số

Việc triển khai số hóa hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính, để triển khai công tác số hóa trong giải quyết TTHC, cung cấp dịch vụ công phục vụ người dân, doanh nghiệp, UBND xã đang tiếp tục triển khai như: Tham gia các lớp tập huấn nghiệp vụ số hóa trong tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính; việc kết nối, chia sẻ dữ liệu với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư phục vụ giải quyết thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công; việc kết nối, tích hợp, chia sẻ tài liệu số hóa phục vụ đáp ứng yêu cầu kết nối, chia sẻ dữ liệu trong thực hiện giải quyết thủ tục hành chính.

7. Đảm bảo an toàn, an ninh mạng

Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin: Ứng dụng mạnh mẽ công nghệ thông tin (CNTT) để giảm văn bản, giấy tờ hành chính. UBND xã xây dựng mạng tin học nội bộ (mạng LAN) góp phần thực hiện nhanh chóng việc gửi, trao đổi và xử lý văn bản, giấy tờ hành chính trong cơ quan. Hiện tại các cán bộ chuyên môn khối ủy ban có máy tính cá nhân hoặc một bộ máy tính bàn và cổng kết nối Internet cho việc trao đổi thông tin; gửi, nhận các biểu mẫu báo cáo,...giữa UBND xã với các cá nhân, tổ chức, cơ quan khác được thực hiện thông qua thư điện tử (Email) đã tiết kiệm được về thời gian và kinh phí.

Tăng cường đảm bảo an toàn, an ninh thông tin, an ninh mạng, phòng chống hiệu quả các hoạt động phá hoại, thâm nhập hệ thống quản lý, điều hành chính quyền điện tử, kịp thời cảnh báo cũng như xử lý các sự cố xảy ra trên địa bàn xã. 100% máy tính tại cơ quan được cài đặt nền tảng phòng chống mã độc theo mô hình quản trị tập trung của huyện, tỉnh.

Xây dựng và tạo lập dữ liệu mở phục vụ người dân, doanh nghiệp khai thác, truy cập, sử dụng, góp phần công khai, minh bạch, phòng, chống tiêu cực, tham nhũng, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

8. Kết quả triển khai các dự án, nhiệm vụ

- Tiếp tục thực hiện về ứng dụng công nghệ thông tin thực hiện trên môi trường mạng internet. Thực hiện ISO điện tử”.

- Tuyên truyền nâng cao nhận thức, tư tưởng cho đội ngũ cán bộ, công chức về tầm quan trọng, tính hữu ích của CNTT trong quản lý nhà nước.

- Tiếp tục tổ chức quán triệt các văn bản quy phạm pháp luật về CNTT; xây dựng kế hoạch triển khai hoạt động CNTT, ứng dụng CNTT và đào tạo nguồn nhân lực CNTT là công tác thường xuyên và lâu dài theo đúng tinh thần Nghị quyết số 29-NQ-TW ngày 04/11/2013 Hội nghị lần thứ XIII Ban chấp hành Trung ương khoá XI.

- Tiếp tục triển khai Văn phòng điện tử Voffice về quy trình xử lý công việc, quản lý văn bản đi, đến và xây dựng lịch làm việc.

- Xây dựng Bộ phận một cửa điện tử liên thông gắn với hệ thống Văn phòng điện tử Voffice. Ứng dụng dịch vụ hành chính công trực tuyến mức độ 3 và 4 để phục vụ người dân và doanh nghiệp.

- Rà soát, cải tiến Hệ thống quản lý chất lượng các quy trình xử lý công việc theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN 9001:2015 gắn với hệ thống Văn phòng điện tử Voffice để thực hiện ISO điện tử theo theo Kế hoạch của tỉnh về xây dựng Chính phủ điện tử.

- Tăng cường quản lý nhà nước về công nghệ thông tin. Đặc biệt là công tác đảm bảo an toàn, an ninh thông tin trong các hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin.

Đẩy mạnh việc ứng dụng CNTT nhằm đổi mới phương pháp làm việc theo hướng tự tích hợp CNTT, kích thích sự sáng tạo và độc lập suy nghĩ, tăng cường khả năng tự học, tự tìm tòi của người học.

III. TỒN TẠI, HẠN CHẾ VÀ NGUYÊN NHÂN

1. Tồn tại, hạn chế

Một số nội dung đã triển khai nhưng vẫn chưa tạo thành thói quen sử dụng thường xuyên cho người dân và phát huy hiệu quả như: Thanh toán điện tử sử dụng các ứng dụng chưa thường xuyên; Sàn thương mại điện tử với số lượng sản phẩm bán ra chưa nhiều; việc sử dụng dịch vụ công trực tuyến còn rất ít; hạ tầng cơ sở vật chất về công nghệ thông tin tại địa phương nhìn chung đã được đầu tư nhưng cũng còn hạn chế, một số thiết bị cũ chưa tối ưu cho công việc và triển khai nhiệm vụ.

Trình độ cán bộ, công chức làm công tác chuyển đổi số còn hạn chế, chủ yếu là kiêm nhiệm, chưa được đào tạo chuyên sâu về ứng dụng công nghệ thông tin; trình độ nhận thức và sử dụng công nghệ thông tin của người dân còn nhiều hạn chế. Trình độ công nghệ thông tin của cán bộ, công chức, viên chức mới đáp ứng ở mức cơ bản vì vậy còn hạn chế trong công tác tham mưu, triển khai thực hiện ứng dụng công nghệ thông tin.

Nhận thức của người dân và doanh nghiệp về dịch vụ công còn hạn chế; chậm thay đổi thói quen đến trực tiếp các cơ quan nhà nước để giải quyết thủ tục hành chính; còn e ngại mất an toàn thông tin khi sử dụng dịch vụ công trực tuyến, do đó tỷ lệ hồ sơ sử dụng dịch vụ công trực tuyến chưa cao.

2. Nguyên nhân:

Chuyển đổi số là lĩnh vực mới nên còn một bộ phận lớn người dân có tâm lý e dè, lo sợ khi được hướng dẫn sử dụng các ứng dụng, do vậy chưa tích cực hợp tác hoặc sử dụng công nghệ.

Cán bộ công chức xã kiêm nhiệm nhiều việc vì thế quá trình tổ chức triển khai thực hiện gặp khá nhiều khó khăn.

Trình độ chuyên môn về công nghệ thông tin của cán bộ, công chức còn hạn chế, cần bồi dưỡng thường xuyên các kỹ năng, kiến thức mới.

Thời gian triển khai của từng nhiệm vụ ngắn vì vậy cũng gây áp lực do hạn chế về nhân lực, nội dung triển khai là nội dung mới không có kinh nghiệm của đơn vị khác để tham khảo, học tập

Một số chỉ tiêu về cài đặt các ứng dụng như app công dân số, Medici chưa cao do lực lượng lao động trẻ tuổi dùng nhiều điện thoại thông minh đi làm ăn

xa nhiều ở các địa phương khác. Một phần điện thoại của nhân dân cấu hình thấp không cài được app.

Thói quen của người dân là điều rất khó thay đổi, phải thường xuyên quan tâm, giúp thay đổi nhận thức theo nhiều cách và trong thời gian dài.

Hạ tầng, thiết bị CNTT hầu như xuống cấp, các máy tính của CBCC thường xuyên hư hỏng hoặc cấu hình thấp.

Ngân sách nhà nước bố trí cho ứng dụng CNTT còn hạn chế.

Do một số tổ trưởng và thành viên của Tổ CNSCĐ cấp thôn tuổi cao, khả năng tiếp cận công nghệ thông tin chậm; ngoài ra một số thành viên không có điện thoại thông minh. Do đó việc trao đổi, triển khai các hoạt động của Tổ CNSCĐ trên các nhóm Zalo chưa hiệu quả.

Địa phương tuy nhiều người dân đã dùng điện thoại thông minh nhưng không sử dụng dịch vụ mạng, trình độ sử dụng công nghệ thông tin chưa thành thạo nên việc hướng dẫn người dân tiếp cận, cài đặt sử dụng các dịch vụ còn gặp rất nhiều khó khăn.

IV. PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ NĂM 2024

- Tiếp tục tuyên truyền sâu rộng chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về chuyển đổi số; các văn bản chỉ đạo của Bộ Thông tin và Truyền thông, UBND tỉnh về chuyển đổi số và các tài liệu có liên quan đến các Tổ CNSCĐ và người dân.

- Tiếp tục triển khai đối với hoạt động của Tổ CNSCĐ, như các lĩnh vực sau:

+ Về chính quyền số: Hướng dẫn người dân sử dụng các dịch vụ công trực tuyến trên Cổng dịch vụ công và Hệ thống thông tin một cửa điện tử tỉnh Hải Dương; sử dụng các dịch vụ số và tương tác với chính quyền qua các nền tảng số được đánh giá và lựa chọn.

+ Về kinh tế số: Hướng dẫn doanh nghiệp, hộ kinh doanh và người dân trên địa bàn đăng ký tham gia các sàn thương mại điện tử như "vosovn", "postmart.vn"; mở tài khoản thanh toán điện tử; hướng dẫn người dân sử dụng nền tảng số, công nghệ số để đăng ảnh, quảng bá các sản phẩm, tạo gian hàng, nhận đơn, đóng gói sản phẩm, cam kết cung cấp sản phẩm đảm bảo chất lượng; sử dụng ứng dụng công nghệ số trong các hoạt động sản xuất, kinh doanh phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội tại địa phương.

+ Về xã hội số: Hướng dẫn người dân tiếp cận, cài đặt, sử dụng các dịch vụ số phục vụ cho các nhu cầu thiết yếu như y tế, giáo dục, chính sách xã hội, phòng chống dịch, đẩy mạnh thanh toán không dùng tiền mặt... thông qua các nền tảng số.

V. ĐỀ XUẤT KIẾN NGHỊ

- Cần quan tâm hàng đầu cho việc đầu tư kinh phí để trang bị, nâng cấp hạ tầng thiết bị CNTT, nâng phụ cấp chuyên trách CNTT.

- Cán bộ chuyên môn của huyện về các địa phương tổ chức các buổi tập huấn, hướng dẫn chi tiết về kỹ năng cho tổ công nghệ số ở xã, cấp thôn, người dân và doanh nghiệp. Trọng tâm vào 3 lĩnh vực Về chính quyền số, kinh tế số, xã hội số.

Đề nghị các doanh nghiệp viễn thông: Quan tâm nâng cấp, đầu tư thêm các trạm thu, phát sóng di động ở các khu vực lõm sóng để triển khai tốt công tác chuyển đổi số trong thời gian tới.

Trên đây là báo cáo Kết quả chuyển đổi số, ứng dụng công nghệ thông tin năm 2023 của UBND xã Tân Hồng.

Nơi nhận:

- Phòng văn hóa – TT huyện;
- BTV Đảng ủy, TTHĐND xã;
- Lãnh đạo UBND;
- Cán bộ, công chức UBND;
- Lưu: VP.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Vũ Huy Cường

PHỤ LỤC

(Kèm theo Báo cáo số 115/BC-UBND ngày 07 tháng 12 năm 2023 của UBND xã Tân Hồng)

STT	Nội dung/tiêu chí	Đơn vị tính	Số liệu
I	HẠ TẦNG KỸ THUẬT		
1	Tổng số máy tính tại các UBND xã	Chiếc	18
2	Tổng số CBCC tại UBND cấp xã được trang bị máy tính	Người	18
3	Tỷ lệ CBCC tại UBND cấp xã được trang bị máy tính	%	100
4	Cài đặt phần mềm diệt Virus bản quyền		
5	Tổng số máy tính được cài đặt	chiếc	18
6	Tỷ lệ máy tính được cài đặt	%	100
7	Mạng cục bộ (LAN - Local Area Network):		
8	Tổng số cơ quan, đơn vị có mạng LAN	(1: Có; 0: Không)	1
9	Kết nối mạng Internet		
10	Tỷ lệ máy tính kết nối Internet trên tổng số máy tính	%	100
II	ỨNG DỤNG CNTT TRONG HOẠT ĐỘNG CỦA CƠ QUAN NHÀ NƯỚC		
1	Hệ thống thư điện tử		
2	Số lượng CBCC được cấp tài khoản thư điện tử chính thức	Người	17
3	Tỷ lệ CBCC được cấp tài khoản thư điện tử chính thức	%	100
4	Hệ thống Quản lý văn bản và điều hành (QLVBDH)		
5	Tổng số văn bản trao đổi giữa các cơ quan nhà nước	Văn bản	1025
6	Tỷ lệ văn bản trao đổi giữa các cơ quan nhà nước hoàn toàn dưới dạng điện tử	%	100
7	Ứng dụng chữ ký số		
8	Tổng số chứng thư số	Cái	2 (gồm UBND; Bộ phận một cửa)
9	Tổng số CBCC được cấp chữ ký số	Người	12

10	Tỉ lệ CBCC được cấp chữ ký số	%	100
11	Các ứng dụng, phần mềm đã triển khai		
12	Quản lý nhân sự	(1: Có; 0: Không)	1
13	Quản lý kế toán - tài chính	(1: Có; 0: Không)	1
14	Quản lý tài sản	(1: Có; 0: Không)	1
15	Quản lý Thi đua - Khen thưởng	(1: Có; 0: Không)	1
16	Quản lý dữ liệu giảm nghèo và bảo trợ xã hội	(1: Có; 0: Không)	1
17	Quản lý trẻ em	(1: Có; 0: Không)	1
18	Các ứng dụng chuyên ngành khác		Phần mềm MISA; Quản lý người có công; Quản lý BHYT, BHXH; Phần mềm hộ tịch.....
19	Tổng số TTHC cung cấp mức độ 3,4 trong năm		
20	Số TTHC đang cung cấp mức độ 3	TTHC	63
21	Số TTHC đang cung cấp mức độ 3 có phát sinh hồ sơ trong năm 2023	TTHC	13
22	Tỷ lệ TTHC đang cung cấp mức độ 3 có phát sinh hồ sơ trong năm 2023	%	0,71
23	Số TTHC đang cung cấp mức độ 4 TTHC	TTHC	49
24	Số TTHC đang cung cấp mức độ 4 có phát sinh hồ sơ trong năm 2023	TTHC	7
25	Tỷ lệ TTHC đang cung cấp mức độ 4 có phát sinh hồ sơ trong năm 2023	%	4,43
26	Xử lý văn bản, hồ sơ công việc trên môi trường mạng		
27	Tổng số hồ sơ, công việc trong năm 2023	Hồ sơ	2090
28	Tổng số hồ sơ giải quyết TTHC mức độ 3,4 trên môi trường mạng (tính đến 25/12/2023)	Hồ sơ	2114
29	Tỷ lệ hồ sơ giải quyết đúng hạn thông qua môi trường mạng	%	100
30	Số hồ sơ giải quyết TTHC mức độ 4	Hồ sơ	1157
31	Tỷ lệ hồ sơ giải quyết TTHC mức độ 4	%	84,63
32	Tổng số văn bản xử lý trên môi trường mạng (tính đến 25/12/2023)	Văn bản	1025
33	Tỷ lệ xử lý văn bản trên môi trường mạng	%	100

III	PHÒNG HỢP TRỰC TUYẾN		
1	UBND xã bố trí phòng họp trực tuyến	(1: Có; 0: Không)	1
IV	TRANG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ HOẶC CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ		
1	Cổng TTĐT của cơ quan có công khai thông tin đầy đủ theo quy định tại Nghị định số 43/2011/NĐ-CP ngày 13/6/2011 của Chính phủ không	(1: Có; 0: Không)	1
2	Số lượng truy cập	lần	83.868
3	Số lượng tin, bài, văn bản đăng tải lên Cổng TTĐT (tính từ 01/01/2023 đến 07/12/2023)		313
4	Chuyên mục: Tổng quan	Tin/bài	0
5	Cơ cấu tổ chức	Tin/bài	1
6	Chính trị, kinh tế	Tin/bài	38
7	Văn hóa – xã hội	Tin/bài	27
8	Giáo dục – y tế	Tin/bài	23
9	An ninh – quốc phòng	Tin/bài	34
10	Cải cách hành chính	Tin/bài	61
11	Nông thôn mới	Tin/bài	01
12	Tin tổng hợp khác	Tin/bài	10
13	Thực hiện pháp luật – chế độ chính sách	Tin/bài	13
14	Công khai ngân sách	Tin/bài	11
15	Thủ tục hành chính	Tin/bài	38
16	Chuyển đổi số	Tin/bài	10
17	Lịch làm việc	Tin/bài	11
18	Thông báo	Tin/bài	12
19	Tổng số văn bản được đăng tải	Văn bản	469
V	NHÂN LỰC CHO ỨNG DỤNG CNTT		

1	Nhân lực cho ứng dụng CNTT		1
2	Tổng số CBCC chuyên trách, bán chuyên trách về CNTT	Người	1
3	Trình độ chuyên môn nghiệp vụ		Đại học
4	Có chứng chỉ ứng dụng CNTT theo Chuẩn kỹ.năng sử dụng CNTT cơ bản trở lên theo quy định tại Thông tư số 03/2014/TT-BTTTTI ngày 11/3/2014		Tin học ứng dụng B

